Án lệ số 21/2018/AL về lỗi và thiệt hại trong trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng cho thuê tài sản

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông quangày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Quyết định giám đốc thẩm số 08/2016/KDTM-GĐT ngày 20-5-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án kinh doanh, thương mại "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản" tại tỉnh Quảng Ninh giữa nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn D với bị đơn là Công ty cổ phần C.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 1 phần "Nhận định của Tòa án".

Khái quát nội dung án lệ:

- Tình huống án lệ:

Hợp đồng cho thuê tài sản có thời hạn, không có thỏa thuận về điều kiện chấm dứt hợp đồng. Bên thuê chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nhưng không được bên cho thuê đồng ý.

Thời gian từ khi bên thuê có văn bản thông báo đến khi chấm dứt hợp đồng quá ngắn dẫn đến bên cho thuê không thể có hợp đồng khác thay thế ngay trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Bên cho thuê yêu cầu bên thuê phải thanh toán tiền thuê tài sản trong thời gian còn lại của hợp đồng.

- Giải pháp pháp lý:

Trường hợp này, phải xác định bên thuê có lỗi và phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại gây ra cho bên cho thuê. Thiệt hại thực tế cần xem xét là khoản tiền cho thuê phương tiện trong thời gian còn lại của hợp đồng.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

Điều 426 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng với Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015);

Các điều 269, 302, 303 Luật Thương mại năm 2005;

Từ khóa của án lệ:

"Hợp đồng cho thuê tài sản"; "Điều kiện chấm dứt hợp đồng"; "Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn"; "Bồi thường thiệt hại"; "Thiệt hại thực tế"; "Lỗi".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-3-2007 và các lời khai tiếp theo, đại diện Công ty TNHH D trình bày:

Ngày 10-4-2006, Công ty TNHH D (sau đây gọi tắt là Công ty D) đã ký Hợp đồng kinh tế số 1141/HĐ-CNQN (về việc thuê đầu máy lai, dắt) với Công ty cổ phần C. Theo hợp đồng, Công ty D cho Công ty cổ phần C thuê 02 đầu máy vỏ thép loại kéo + đẩy công suất 135 CV biển kiểm soát số NB2010 và NB2172; đồng thời, nhận ba nơ lai dắt, đẩy kéo tàu của Công ty cổ phần C ra vào cảng lấy hàng tại cảng 10-10 và cảng Khe Dây Quảng Ninh; đơn giá thuê (bao gồm cả thuế VAT) là 50.000.000 đồng/tháng cho một đầu máy; chi phí toàn bộ nhiên liệu cho đầu máy do Công ty cổ phần C trả cho Công ty D theo định mức là 17 lít dầu Diezel/01 giờ nổ máy/01 máy công suất 135 CV + 0,23 lít dầu nhờn bôi trơn/01giờ/01 máy công suất, (giá nhiên liệu sẽ được hai bên tính tại thời điểm thanh toán và các khoản phát sinh hai đầu bến, nếu có). Công ty D có trách nhiệm bố trí nhân lực, chức danh trên phương tiện gồm 01 thuyền trưởng, 01 máy trưởng, 01 thủy thủ; phải chi trả toàn bộ tiền lương cho công nhân trên phương tiện.... Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31-12-2006.

Ngày 17-8-2006, Công ty cổ phần C có Công văn số 2349 INDEVCO đề nghị Công ty D chấm dứt và thanh lý Hợp đồng số 1141/HĐ-CNQN ngày10-4-2006 trước thời hạn từ ngày 20-8-2006.

Ngày 18-8-2006, Công ty D có Công văn số 59.CVCty trả lời Công văn số 2349 INDEVCO của Công ty cổ phần C với nội dung: đề nghị Công ty cổ phần C thanh toán dứt điểm số tiền thuê 02 đầu máy trong quý II năm 2006 (có Biên bản đối chiếu thanh quyết toán ngày 13-7-2006) và trong trường hợp Công ty cổ phần C không còn nhu cầu thuê 02 đầu máy kể từ ngày 20-8-2006 nữa thì đề nghị thanh quyết toán tiền thuê 02 đầu máy cho thời gian còn lại của hợp đồng từ ngày 01-8-2006 đến 31-12-2006.

Ngày 04-9-2006, Công ty cổ phần C và Công ty D tiến hành lập Biên bản quyết toán tiền thuê đầu máy; theo đó, hai bên cùng xác định tổng số tiền Công ty cổ phần C phải trả cho Công ty D tính đến ngày 21-8-2006 là 511.539.505 đồng.

Ngày 16-01-2007, Công ty cổ phần C đã thanh toán cho Công ty D số tiền là 511.539.505 đồng.

Ngày 18-3-2007, sau nhiều lần thương lượng không thành, Công ty D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán cho Công ty D số tiền 403.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 21-8-2006 đến ngày 31-12-2006 theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu buộc thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán.

Đại diện của Công ty cổ phần C trình bày:

Việc ký kết và thực hiện Hợp đồng số 1141/HĐ-CNQN ngày 10-4-2006 với Công ty D như nguyên đơn trình bày. Đến ngày 17-8-2006, do không còn nhu cầu sử dụng 02 đầu máy đã thuê, Công ty cổ phần C đã có công văn gửi Công ty D đề nghị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Công ty cổ phần C đã thanh toán cho Công ty D 511.539.505 đồng. Công ty cổ phần C không đồng ý thanh toán cho Công ty D 403.000.000 đồng vì không đúng thực tế, yêu cầu Công ty D tính toán lại. Công ty cổ phần C chỉ chấp nhận hỗ trợ 50% tổng số kê khai nhưng phải đúng và phù hợp.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2012/KDTM-ST ngày 18-01-2012, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH D đòi Công ty cổ phần C (nay là Tổng công ty cổ phần Tập đoàn I) phải thanh toán giá trị còn lại của Hợp đồng số 1141HĐ-CNQN ngày 10-4-2006 số tiền là 303.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 157.260.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10-02-2012, Công ty TNHH D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm (dấu bưu điện nơi gửi là ngày 25-02-2012).

Tại Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 87/2012/KDTMPT-QĐ ngày 17-5-2012, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội quyết định không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH D, với lý do là kháng cáo quá thời hạn quy định tại Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 07-6-2012, Công ty TNHH D có đơn đề nghị xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm đối với quyết định phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 29/2015/KN-KDTM ngày 04-5-2015, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm theo hướng hủy Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 87/2012/KDTMPT-QĐ ngày 17-5-2012 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2012/KDTM-ST ngày 18-01-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với quyết định kháng nghị của Chánh án Toà án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 10-4-2006, Công ty D cho Công ty cổ phần C thuê hai đầu máy vỏ thép và lai dắt tàu ra vào tại cảng 10-10 và cảng Khe Dây Quảng Ninh, có hiệu lực từ ngày ký đến ngày 31-12-2006 theo Hợp đồng kinh tế số 1141/HĐ-CNQN. Trong hợp đồng không có thỏa thuận về điều kiện chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, đến ngày 17-8-2006, Công ty cổ phần C có Văn bản số 2349/INDEVCO thông báo chấm dứt hợp đồng từ ngày 20-8-2006 với lý do "không có nhu cầu thuê 2 đầu máy". Thời gian Công ty cổ phần C ra văn bản thông báo đến khi chấm dứt hợp đồng là quá ngắn, đã gây thiệt hại cho Công ty D do không thể có được hợp đồng khác thay thế ngay. Lỗi thuộc về Công ty cổ phần C nên phải chịu trách nhiệm đối với khoản thiệt hại đã gây ra cho Công ty D. Thiệt hại thực tế cần xem xét là khoản tiền cho thuê phương tiện trong thời gian còn lại của hợp đồng.

[2] Trước khi khởi kiện, Công ty D đã có Công văn số 75CVCtyDG (không đề ngày, tháng, chỉ ghi năm 2006) yêu cầu Công ty cổ phần C thanh toán tiền thuê 02 đầu máy từ ngày 21-8-2006 đến 31-12-2006 với tổng số tiền là 250.000.000 đồng. Tại Công văn số 2774 INDEVCO ngày 17-10-2006, Công ty cổ phần C chỉ đồng ý hỗ trợ chi trả lương công nhân lái tàu. Không đồng ý nên ngày 18-3-2007, Công ty TNHH D khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần C phải thanh toán số tiền 403.000.000 đồng (là số tiền cho thuê 02 đầu máy trong thời gian còn lại của hợp đồng). Như vậy, đây có thể xem như là khoản thiệt hại thực tế mà nguyên đơn yêu cầu bồi thường.

[3] Khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý để xét xử sơ thẩm lại, Công ty D yêu cầu đòi giá trị còn lại của hợp đồng từ ngày 21-8-2006 đến ngày 31-12-2008 là 403.000.000 đồng và tiền lãi. Do Công ty cổ phần C đã trả được 100.000.000 đồng nên còn phải thanh toán tiếp 303.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng yêu cầu này là không có căn cứ nên không chấp nhận vì cho đây là số tiền giá trị còn lại của hợp đồng chưa được thực hiện. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm còn nhận định do Công ty D có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng Công ty D không yêu cầu nên không xem xét yêu cầu của Công ty D là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty D.

[4] Theo biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 18-01-2012, đại diện Công ty D có mặt tại phiên tòa nên phải biết nội dung và quyết định của Tòa án. Ngày 10-02-2012, Công ty D mới có đơn kháng cáo (dấu bưu điện nơi gửi là ngày 25-02-2012, dấu công văn đến ngày 27-02-2012) là đã quá hạn theo quy định tại Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Công ty D cho rằng lý do kháng cáo quá hạn là do đại diện Công ty không nghe rõ chủ tọa tuyên án là không có căn cứ theo quy định tại mục 5 phần I Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐTP ngày 04-8-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo quá hạn là đúng.

[5] Mặc dù Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 87/2012/KDTMPT-QĐ ngày 17-5-2012 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội là có căn cứ, nhưng do bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật theo quyết định này, nên cũng cần phải hủy cả Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 87/2012/KDTMPT-QĐ ngày 17-5-2012 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2012/KDTM-ST ngày 18-01-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào khoản 3 Điều 297, khoản 1, 2 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung theo Luật số 65/2011/QH12 ngày 29/3/2011),

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 87/2012/KDTMPT-QĐ ngày 17-5-2012 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2012/KDTM-ST ngày 18-01-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử vụ án kinh doanh, thương mại tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản giữa nguyên đơn là Công ty TNHH D với bị đơn là Công ty cổ phần C.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

NỘI DUNG ÁN LỆ

"[1] Ngày 10-4-2006, Công ty D cho Công ty cổ phần C thuê hai đầu máy vỏ thép và lai dắt tàu ra vào tại cảng 10-10 và cảng Khe Dây Quảng Ninh, có hiệu lực từ ngày ký đến ngày 31-12-2006 theo Hợp đồng kinh tế số 1141/HĐ-CNQN. Trong hợp đồng không có thỏa thuận về điều kiện chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, đến ngày 17-8-2006, Công ty cổ phần C có Văn bản số 2349/INDEVCO thông báo chấm dứt hợp đồng từ ngày 20-8-2006 với lý do "không có nhu cầu thuê 2 đầu máy". Thời gian Công ty cổ phần C ra văn bản thông báo đến khi chấm dứt hợp đồng là quá ngắn, đã gây thiệt hại cho Công ty D do không thể có được hợp đồng khác thay thế ngay. Lỗi thuộc về Công ty cổ phần C nên phải chịu trách nhiệm đối với khoản thiệt hại đã gây ra cho Công ty D. Thiệt hại thực tế cần xem xét là khoản tiền cho thuê phương tiện trong thời gian còn lại của hợp đồng."